

TỜ TRÌNH
Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết số 497/NQ-HĐQT ngày 06/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau:

1. Phân phối lợi nhuận:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	20.096.356.288	a
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	50.369.207.248	b
3	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	70.465.563.536	c = (a+b)
4	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2021:	20.946.778.292	d = e+f+g
	+ Quỹ đầu tư phát triển (25% LNST)	12.592.301.812	e = (b * 25%)
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong đó:	8.077.788.845	f
	Quỹ khen thưởng	5.577.788.845	

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	<i>Quỹ phúc lợi</i>	2.500.000.000	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	276.687.635	g
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	49.518.785.244	$h = c - d$
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 25% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	23.727.102.500	i
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	2.500	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2022	25.791.682.744	$j = h - i$

2. Thời điểm chi trả cổ tức:

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức là ngày 18/5/2022.
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 20/6/2022.

Ghi chú: Thuyết minh các số liệu làm tăng giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước chuyển qua:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 chuyển sang	20.051.192.274	
2	Điều chỉnh tăng do điều chỉnh giảm chi phí các năm trước	45.164.014	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 chuyển sang sau điều chỉnh	20.096.356.288	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 500/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc: **Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO-Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh kiểm toán;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 497/NQ-HĐQT ngày 06/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán mức chi tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 cụ thể như sau:

1/ Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021:

a/ Hội đồng quản trị:

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 426.686.784 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 281.630.400 đồng

Tổng cộng: 708.317.184 đồng

Bằng chữ: Bảy trăm lẻ tám triệu, ba trăm mười bảy ngàn, một trăm tám mươi bốn đồng.

b/ Ban kiểm soát:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:



01 người, mức chi là: 359.083.956 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 112.653.600 đồng

Tổng cộng: 471.737.556 đồng

Bằng chữ: *Bốn trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm năm mươi sáu đồng.*

c/ Thư ký công ty:

01 người, mức chi là: 70.407.600 đồng

Bằng chữ: *Bảy mươi triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, sáu trăm đồng.*

* Tổng cộng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.250.462.340 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, hai trăm năm mươi triệu, bốn trăm sáu mươi hai ngàn, ba trăm bốn mươi đồng.*

2/ Kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022:

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022, cụ thể:

a/ Hội đồng quản trị:

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 382.055.352 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 252.172.800 đồng

Tổng cộng: 634.228.152 đồng

Bằng chữ: *Sáu trăm ba mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi tám ngàn, một trăm năm mươi hai đồng.*

b/ Ban kiểm soát:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 321.523.776 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 100.869.600 đồng

Tổng cộng: 422.393.376 đồng

Bằng chữ: *Bốn trăm hai mươi hai triệu, ba trăm chín mươi ba ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng.*

c/ Thư ký:

+ Thù lao Thư ký Công ty:

01 người, mức chi là: 63.043.200 đồng

Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn, hai trăm đồng.

* Tổng cộng tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.119.664.728 đồng**

Bằng chữ: Một tỷ, một trăm mười chín triệu, sáu trăm sáu mươi bốn ngàn, bảy trăm hai mươi tám đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hữu Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
BAN KIỂM SOÁT

Số: 59/TTr-BKS



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc: lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Quyết định 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022;

Căn cứ Thông tư 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 497/NQ-HĐQT ngày 06/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

1/ Đề xuất về tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022;
- Là Công ty có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao, kinh nghiệm lâu năm;
- Có kinh nghiệm đã từng kiểm toán cho các đơn vị cấp nước;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp.

2/ Đề xuất về lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

Với các tiêu chí lựa chọn nêu trên, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện về các tiêu chí nêu trên theo quy định của pháp luật và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp

dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Bá Bạch Thủy Tiên

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 501/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, của địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;

Căn cứ tình hình thực tế, chiến lược và mục tiêu phát triển Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 497/NQ-HĐQT ngày 06/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

(Đính kèm Bảng kế hoạch chi tiết)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hữu Sơn

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 501/TT-Tr-HĐQT ngày 06/4/2022)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch Quý năm 2022					Ghi chú
				Quý I/2022	Quý II/2022	Quý III/2022	Quý IV/2022	Cộng 2022	
I	SẢN XUẤT - KINH DOANH								
1	Nước ghi thu		21.150.298	4.870.431	5.575.721	5.686.921	5.066.927	21.200.000	
	+ M ³ nước ghi thu	m ³	18.987.470	4.377.144	5.014.685	5.092.712	4.546.521	19.031.062	
	+ M ³ nước cung cấp ĐMH	m ³	1.719.339	398.000	441.500	467.000	414.684	1.721.184	
	+ M3 Sơn Hải	m ³	443.489	95.287	119.536	127.209	105.722	447.754	
2	Doanh thu	tr đ	197.434	44.465	50.181	51.087	45.530	191.263	
	+ Doanh thu nước ghi thu	tr đ	162.334	37.805	43.311	43.985	39.268	164.369	Tính giá 7.000 đ
	+ Doanh thu nước cung cấp ĐMH	tr đ	11.462	2.653	2.943	3.113	2.765	11.474	
	+ Doanh thu nước Sơn Hải	tr đ	3.827	827	1.037	1.104	917	3.885	
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành	tr đ	5.653	1.250	1.250	1.250	1.250	5.000	
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành Sơn Hải	tr đ	221	50	50	50	50	200	
	+ Doanh thu tài chính	tr đ	8.523	1.800	1.500	1.500	1.200	6.000	
	+ Doanh thu khác	tr đ	5.414	80	90	85	80	335	
3	Chi phí	tr đ	139.525	34.179	36.679	37.018	35.329	143.205	
3.1	Giá vốn hàng bán	tr đ	111.629	27.762	30.284	30.677	29.005	117.728	
	+ Chi phí vật tư trực tiếp	tr đ	49.743	12.177	13.939	14.217	12.667	53.000	
	+ Chi phí nhân công	tr đ	22.934	6.000	6.000	6.000	6.000	24.000	



STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch Quý năm 2022					Ghi chú
				Quý I/2022	Quý II/2022	Quý III/2022	Quý IV/2022	Cộng 2022	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	3.916	1.075	1.075	1.075	1.075	4.300	
	+ Ăn ca	tr đ	2.182	600	600	600	600	2.400	
	+ Kinh phí CĐ	tr đ	368	100	100	100	100	400	
	+ Khấu hao TSCĐ	tr đ	27.287	6.615	7.202	7.290	7.321	28.428	
	+ Chi phí sản xuất chung	tr đ	5.199	1.195	1.368	1.395	1.242	5.200	
3.2	Chi phí tài chính	tr đ	6.178	1.374	1.348	1.289	1.246	5.257	
3.3	Chi phí bán hàng	tr đ	5.749	1.590	1.590	1.590	1.590	6.360	
	+ Chi phí nhân công	tr đ	1.416	375	375	375	375	1.500	
	+ Chi phí nguyên vật liệu	tr đ	3.484	1.000	1.000	1.000	1.000	4.000	
	+ Chi phí khác	tr đ	849	215	215	215	215	860	
3.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	tr đ	13.566	3.363	3.367	3.372	3.398	13.500	
	+ Chi phí nhân công	tr đ	2.608	562	562	563	563	2.250	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	270	75	75	75	75	300	
	+ Ăn ca	tr đ	52	14	14	14	14	56	
	+ Kinh phí CĐ	tr đ	25	7	7	8	8	30	
	+ Kinh phí Đảng bộ	tr đ	51	26	30	33	59	148	
	+ Chi phí khấu hao TS	tr đ	787	193	193	193	193	772	
	+ Chi phí khác	tr đ	9.773	2.486	2.486	2.486	2.486	9.944	
3.5	Chi phí khác	tr đ	2.403	90	90	90	90	360	
4	Lợi nhuận trước thuế	tr đ	57.909	10.286	13.502	14.069	10.201	48.058	
5	Thuế TNDN	tr đ	7.540	1.255	1.647	1.716	1.244	5.862	
6	Lợi nhuận sau thuế	tr đ	50.369	9.031	11.855	12.353	8.957	42.196	

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch Quý năm 2022					Cộng 2022	Ghi chú
				Quý I/2022	Quý II/2022	Quý III/2022	Quý IV/2022			
II	TÀI CHÍNH									
1	Vốn điều lệ	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908		
2	Vốn chủ sở hữu	tr đ	212.396	177.742	189.597	214.542	223.499	223.499		
	Trong đó:									
	+ Vốn góp của chủ sở hữu	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908		
	+ Thặng dư vốn cổ phần	tr đ	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965		
	+ Quỹ đầu tư phát triển	tr đ	46.047	46.047	46.047	58.639	58.639	58.639		
	+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	tr đ	69.476	34.822	46.677	59.030	67.987	67.987		
3	Các khoản thuế, phí phải nộp	tr đ	20.086	4.209	4.690	4.857	4.149	17.906		
	Trong đó:	tr đ								
3.1	Các khoản nộp NSNN	tr đ	18.972	3.952	4.396	4.557	3.882	16.788		
	+ Thuế TNDN	tr đ	6.000	1.255	1.647	1.716	1.244	5.862		
	+ Thuế GTGT	tr đ	3.932	500	500	500	500	2.000		
	+ Thuế tài nguyên	tr đ	33	7	9	10	7			
	+ Quyền khai thác nước NMN Thấp Chàm	tr đ	916	281	181	181	181			
	+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	tr đ	9	-	9	-	-			
	+ Thuế môn bài	tr đ	9	9	-	-	-			
	+ Phí BVMTĐVNTSH	tr đ	8.073	1.900	2.050	2.150	1.950			
3.2	Các khoản phí khác	tr đ	1.114	257	294	300	267	1.118		
	+ Phí NTCN	tr đ	16	4	4	4	4	16		
	+ Phí DV MT rừng	tr đ	1.098	253	290	296	263	1.102		
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	53%	10%	12%	13%	9%	44%		
5	Số tiền phải trả vốn và lãi vay	tr đ	21.407	-	10.350	-	10.136	20.486		
			-							

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch Quý năm 2022					Ghi chú
				Quý I/2022	Quý II/2022	Quý III/2022	Quý IV/2022	Cộng 2022	
III	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SAU THUẾ		-						
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	tr đ	20.096					25.791	
2	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	tr đ	50.369					42.196	
3	Quỹ đầu tư phát triển	tr đ	12.592					10.549	
4	Quỹ khen thưởng	tr đ	5.578					4.354	
5	Quỹ phúc lợi	tr đ	2.500					2.000	
6	Quỹ thưởng viên chức quản lý	tr đ	277					248	
7	Chi cổ tức	tr đ	23.727					18.982	
8	Lợi nhuận để lại	tr đ	25.791					31.854	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
TỔNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 502/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc: Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;

Căn cứ tình hình thực tế, chiến lược và mục tiêu phát triển Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 497/NQ-HĐQT ngày 06/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2022.

(Đính kèm Bảng kế hoạch chi tiết)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH MUA SẴM VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 502/TT- HĐQT ngày 06/4/2022)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2022	Kế hoạch năm 2022				Cộng năm 2022
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
A	Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021 chuyển qua	đồng	7.957.731.292	49.314.119.814	12.049.435.197	33.464.684.617	3.800.000.000	-	49.314.119.814
I	Dự án Cải tạo và nâng cấp NMTN Thấp Chằm từ 52.000 m3/ngày lên 120.000 m3/ngày	đồng		7.571.006.338	-	3.771.006.338	3.800.000.000	-	7.571.006.338
I	Chi phí tư vấn; chi phí giải phóng mặt bằng.....	đồng			-	3.771.006.338	-	-	3.771.006.338
a	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí tư vấn quản lý dự án	đồng				771.006.338			
b	Giải phóng mặt bằng sân phơi bùn	đồng				3.000.000.000			
2	Dự án Cải tạo và nâng cấp NMTN Thấp Chằm từ 52.000 m3/ngày lên 120.000 m3/ngày (Giai đoạn 1)	đồng			-	-	3.800.000.000	-	3.800.000.000
a	Đường ống công nghệ	đồng					200.000.000		
b	Máy bơm Q=2.500 m3/h, H=25 mét.	đồng					2.500.000.000		
c	Cải tạo tu điện, cấp điện và máng cấp	đồng					1.100.000.000		
II	Xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển	đồng	6.186.499.850	35.081.534.945	10.003.136.666	25.078.398.279	-	-	35.081.534.945
I	Xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển (Giai đoạn 1)	đồng	6.186.499.850	35.081.534.945	10.003.136.666	25.078.398.279	-	-	35.081.534.945
a	Sân nền	đồng				1.799.759.796			
b	Sân đường	đồng				1.733.232.691			
c	Hàng rào	đồng				2.130.376.434			
d	Thoát nước	đồng				3.273.914.701			

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2022	Kế hoạch năm 2022				Cộng năm 2022
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
e	Đường ống truyền tải (từ nút giao 21/8 với H.150 đến Bể chứa trong trạm bơm tăng áp Phan Rang 2)	đồng			10.003.136.666				
f	Trạm biến áp và Đường dây trung thế	đồng				2.291.633.744			
g	Bể chứa	đồng				13.627.155.341			
h	Điện chiếu sáng ngoài trời	đồng				222.325.572			
i	Chi phí tư vấn ; chi phí khác; chi phí giải phóng mặt bằng..... trong năm 2021	đồng	6.186.499.850					-	-
III	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước	đồng	1.771.231.442	1.446.298.531	1.446.298.531	-	-	-	1.446.298.531
1	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc các Nhà máy nước Tháp Chàm; Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo Trạm bơm tăng áp Phan Rang	đồng	1.585.922.743	31.481.362	31.481.362				
2	Cải tạo, tu sửa cửa lấy nước vào trạm bơm cấp I Nhà máy nước Tân Sơn	đồng	39.512.488	4.390.277	4.390.277				
3	Cải tạo Sân đường bồi bộ và tường rào khuôn viên;... Trạm bơm cấp 2 (trạm bơm nước sạch) Nhà máy nước Tân Sơn	đồng	9.791.165						
4	Xây tường bao quanh nhà máy nước Phước Dân	đồng	136.005.046	14.083.571	14.083.571				
5	Sơn sửa mái cho khu xử lý 40.000m3/ngđ	đồng			197.050.797				
6	Sơn lang cang, thay gạch men tróc vỡ khu xử lý 40.000 m3/ ngày đêm	đồng			504.981.421				
7	Xây nhà bảo vệ trạm bơm tạm Trạm bơm tăng áp Phan Rang	đồng			270.000.000				
8	Tên công trình: Sửa chữa, cải tạo Nhà máy nước Tháp Chàm; Hạng mục: Sân phơi bùn Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng			233.536.103				
9	Sơn, chống thấm khu vực nhà làm việc, nhà kho và khu vực trạm bơm cấp II	đồng		190.775.000	190.775.000				
IV	Dự phòng Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các Nhà máy nước	đồng		600.000.000	600.000.000				600.000.000

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2022	Kế hoạch năm 2022				Cộng năm 2022
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
1	Công trình: Cải tạo, Sửa chữa Nhà máy nước Tân Sơn, Hạng mục: Tu sửa Đập Dâng lấy nước vào Trạm bơm Cấp I Nhà máy nước Tân Sơn	đồng		600.000.000					
V	Mua sắm trang thiết bị, máy móc	đồng	4.615.280.000	-	4.615.280.000		-	-	4.615.280.000
1	Trang bị đồng hồ điện từ nước thô D.300 tại NMN Tân Sơn	đồng			189.200.000				
2	Lắp đặt hệ thống dây điện chờ từ tủ điện trạm 1 đến vị trí máy phát điện tại trạm 1 NMN Thấp Châm	đồng			150.000.000				
3	Mua máy phát điện 600kVA tại Trạm 1 NMN Thấp Châm	đồng			2.600.000.000				
4	Trang bị đồng hồ đo lưu lượng trên mạng lưới các tuyến ống song song dọc hai bên QL.27 (đồng hồ phát xung)	đồng			440.000.000				
5	Lắp điều khiển từ xa trạm tăng áp Khánh Nhơn	đồng			309.020.000				
6	Scada trạm bơm cấp I, cải tạo, nâng cấp tủ điện và tích hợp PLC điều khiển từ xa về trạm bơm cấp II, hệ thống châm hóa chất tự động trạm II NMN Tân Sơn	đồng			618.040.000				
7	Lắp điều khiển từ xa trạm Trạm tăng áp Phước Dân	đồng			309.020.000				
B	Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022	đồng		8.353.867.234	4.648.993.662	9.820.605.900	7.106.000.000	29.929.466.796	
I	Dự án Cải tạo và nâng cấp NMN Thấp Châm từ 52.000 m3/ngày lên 120.000 m3/ngày	đồng		-	728.993.662	7.050.000.000	-	7.778.993.662	
1	Chi phí tư vấn; chi phí giải phóng mặt bằng.....	đồng		-	728.993.662	-	-	728.993.662	
a	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí tư vấn quản lý dự án	đồng			728.993.662				
2	Dự án Cải tạo và nâng cấp NMN Thấp Châm từ 52.000 m3/ngày lên 120.000 m3/ngày (Giai đoạn 1)	đồng		-	-	7.050.000.000	-	7.050.000.000	
a	Lưới chắn rác thô và vớt rác tự động	đồng				2.500.000.000			

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2022	Kế hoạch năm 2022				Cộng năm 2022
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
b	Đường ống nước Thô	đồng					4.550.000.000		
II	Xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển	đồng						5.000.000.000	5.000.000.000
I	Xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển (Giai đoạn 2)	đồng			-	-	-	5.000.000.000	
a	Chi phí tư vấn ; chi phí khác; chi phí giải phóng mặt bằng..... trong năm 2022	đồng						5.000.000.000	
III	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước	đồng			6.350.125.000	-	-	-	6.350.125.000
I	Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng			2.500.000.000	-	-	-	2.500.000.000
1.1	Sơn sửa các khối nhà làm việc	đồng			580.000.000				
1.2	Sơn epoxy các bể chứa do nhà máy quản lý	đồng			1.200.000.000				
1.3	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục Sửa chữa sân nền bê tông, thay mới cửa đi và cửa sổ nhà vệ sinh, nhà bếp NNM Tháp Chàm	đồng			300.000.000				
1.4	Cải tạo sân nền, thoát nước, sơn sửa hàng rào trạm bơm tăng áp Phan Rang	đồng			420.000.000				
2	Nhà máy nước Phước Dân	đồng			2.500.125.000	-	-	-	2.500.125.000
2.1	Chống thấm nhà làm việc tại NNM Phước Dân	đồng			178.125.000				
2.2	Chống thấm nhà làm việc trạm bơm Cà Ná	đồng			72.000.000				
2.3	Thay bơm Trạm bơm nước sạch Nhà máy nước Phước Dân	đồng			2.000.000.000	-			
2.1	Sửa chữa hoa viên NNM Phước Dân	đồng			250.000.000				
3	Nhà máy nước Tân Sơn	đồng			950.000.000	-	-	-	950.000.000
3.1	Lập dự án đầu tư cải tạo, nâng công suất trạm bơm cấp II lên 10.000m ³ / ngày đêm	đồng			500.000.000				
3.2	Sửa chữa tường rào, đổ bê tông đường vào Trạm bơm cấp I Nhà máy nước Tân Sơn	đồng			450.000.000				
4	Sửa chữa, Sơn, Chống thấm Trạm giao dịch Ninh Hải	đồng			200.000.000				200.000.000

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2022	Kế hoạch năm 2022				Cộng năm 2022
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
5	Sửa chữa tường rào khối văn phòng Công ty	đồng			200.000.000				200.000.000
IV	Dự phòng Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các Nhà máy nước	đồng			300.000.000	300.000.000	250.000.000	250.000.000	1.100.000.000
V	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, máy móc, công nghệ	đồng			180.000.000	900.000.000	1.199.605.900	600.000.000	2.879.605.900
1	Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng			180.000.000	750.000.000	-	600.000.000	1.530.000.000
1.1	Thay đồng hồ châm hóa chất PAC	đồng			100.000.000				
1.2	Khởi động mềm 110kw 3 pha 380v	đồng			80.000.000				
1.3	Máy bơm châm hóa chất	đồng						200.000.000	
1.4	Trang bị hệ thống đo độ đục online và cảm biến mức nước tại NMN Tháp Chàm	đồng				450.000.000			
1.5	Mua Van điện lắp đặt cho hồ số 6 và trạm tăng áp Phan Rang - NMN Tháp Chàm	đồng						400.000.000	
1.6	Mua Bình rỗng chứa Clo dự phòng	đồng				300.000.000			
2	Thay thế tủ điện sắt đã xuống cấp trạm biến áp tại trạm bơm cấp II - NMN Tân Sơn	đồng					250.000.000		250.000.000
3	Mua sắm trang thiết bị công cụ cho Phòng Quản Lý Mạng Lưới	đồng				150.000.000			150.000.000
4	Lắp đặt Scada mạng lưới các khu vực Phan Rang - Tháp Chàm - Ninh Hải	đồng					640.605.900		640.605.900
5	Lắp đặt điều khiển từ xa Trạm tăng áp Cả Nà- NMN Phước Dân	đồng					309.000.000		309.000.000
VI	Dự phòng sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, máy móc, công nghệ	đồng			150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	600.000.000
VII	Mở rộng và cải tạo sửa chữa tuyến ống các khu vực	đồng			1.273.742.234	820.000.000	1.071.000.000	1.006.000.000	4.170.742.234
1	Mở rộng tuyến ống các khu vực	đồng			812.000.000	540.000.000	821.000.000	756.000.000	2.929.000.000
1.1	Mở rộng mạng lưới KV PR	đồng			180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000	
1.2	Mở rộng mạng lưới KV TC	đồng			220.000.000	230.000.000	-	-	
1.3	Mở rộng mạng lưới KV Ninh Phước	đồng			412.000.000				
a	Hèm Cầu Mông Nhuận - Xã Phước Hữu	đồng			300.000.000				
b	Hèm Dung Bình nổi dài, kp1 - thị trấn Phước Dân	đồng			112.000.000				
1.4	Mở rộng mạng lưới KV Ninh Sơn	đồng			-	130.000.000	641.000.000	126.000.000	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2022	Kế hoạch năm 2022				Cộng năm 2022
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
a	Đường Hồ Tùng Mậu nối dài, KP8, Tân Sơn	đồng					141.000.000		
b	Đường Ngô Gia Tự, KP8, Tân Sơn	đồng						126.000.000	
c	Lập dự án đầu tư tuyến ống D300 song song QL27 từ nhà máy đến tuyến đường liên thôn khu vực Quảng Sơn	đồng					500.000.000		
1.5	Mở rộng mạng lưới KV Ninh Hải	đồng			-	-	-	450.000.000	
2	Cải tạo, sửa chữa, thay thế tuyến ống các khu vực	đồng			361.742.234	180.000.000	150.000.000	150.000.000	841.742.234
2.1	Cải tạo mạng lưới KV Phan Rang - Tháp Chàm	đồng			100.000.000	-	-	-	
2.2	Cải tạo mạng lưới KV Ninh Sơn (Thay thế ống STK đoạn Km 245 (hướng Đà Lạt - Phan Rang), Hạng Trĩ, Quảng Sơn)	đồng			36.764.424	30.000.000			
2.3	Cải tạo mạng lưới KV Thuận Nam	đồng			74.977.810				
2.4	Cải tạo mạng lưới KV Ninh Phước (Thay ống sắt trắng kẽm 200 hộ)	đồng			50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	
2.5	Cải tạo mạng lưới KV Ninh Hải	đồng			50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	
2.6	Sửa chữa ống STK khách hàng (200 hộ)	đồng			50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	
3	Cải tạo sửa chữa thường xuyên	đồng			100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	400.000.000
VIII	Dự phòng mở rộng, cải tạo, sửa chữa mạng lưới tuyến ống các khu vực	đồng			100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	400.000.000
IX	Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng tại các Nhà máy	đồng				1.500.000.000			1.500.000.000
X	Mua sắm và lắp đặt thiết bị an toàn bảo mật mạng nội bộ công ty	đồng				150.000.000			150.000.000
TỔNG CỘNG:					20.403.302.431	38.113.678.279	13.620.605.900	7.106.000.000	79.243.586.610

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THỤẬN

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CẤP NƯỚC

NINH THỤẬN

TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM

Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 503/TT- HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 497/NQ-HĐQT ngày 06/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Ngày 31/12/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, trong đó công ty đại chúng phải tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư số 116/2020/TT-BTC để xây dựng Điều lệ Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận là công ty đại chúng đã đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, để tuân thủ các quy định trên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua toàn văn Dự thảo sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

(Đính kèm Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty)

Bản Điều lệ sửa đổi nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên vào ngày 27/4/2022 sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế bản Điều lệ đã sửa đổi lần 6 tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, thông qua ngày 21/6/2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: 14 Tô Hiệu, P.Kinh Dinh, TP.Phan Rang – Tháp
Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại: 0259.377 8080 – 383 2020

Website: <http://www.capnuocninhthuan.com>

Mã số thuế: 4500289362

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Ninh Thuận, tháng 4 năm 2022



MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	2
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	2
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	21
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27

SỐ
C
C
N
P

Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty.....	33
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 33. Người điều hành Công ty	34
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	34
Điều 35. Thư ký Công ty	35
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	36
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	36
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	36
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	37
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	39
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	41
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	41
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	41
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn, hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội khác	41
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	42
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	42
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	43
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	43
Điều 48. Năm tài chính.....	43
Điều 49. Chế độ kế toán	43
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	43
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	43
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	44
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	44
Điều 52. Kiểm toán	44
XVII. DẤU CỦA CÔNG TY	44
Điều 53. Dấu của Công ty	44
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	44
Điều 54. Giải thể Công ty.....	44
Điều 55. Thanh lý	45
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	45
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	45

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	46
Điều 57. Điều lệ công ty.....	46
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	46
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	46

28
NG
P
P
H
P.T.

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty tại phiên họp đầu tiên tổ chức chính thức vào ngày 29 tháng 8 năm 2008 và được sửa đổi bổ sung lần thứ nhất theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 tổ chức chính thức vào ngày 26 tháng 6 năm 2009, sửa đổi bổ sung lần thứ hai theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 tổ chức chính thức vào ngày 27 tháng 4 năm 2012, sửa đổi bổ sung lần thứ ba theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 (Vòng 2) tổ chức chính thức vào ngày 14 tháng 3 năm 2014, sửa đổi bổ sung lần thứ tư theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 tổ chức chính thức vào ngày 27 tháng 6 năm 2014, sửa đổi lần thứ năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 tổ chức chính thức vào ngày 25 tháng 8 năm 2017, sửa đổi lần thứ sáu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tổ chức vào ngày 21 tháng 6 năm 2019, sửa đổi lần thứ bảy theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức vào ngày ... tháng ... năm 2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;
- b) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- c) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- đ) “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho Công ty;
- h) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- i) “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm bằng nghị quyết/quyết định trong đó ghi nhận rõ là Người điều hành doanh nghiệp;
- k) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
- l) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- m) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
- n) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 Điều lệ này;
- o) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- p) “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
- q) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;

r) “Góp vốn” là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập;

s) “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

t) “Đại hội trực tuyến” là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp;

u) “Đại hội trực tiếp” là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đó các cổ đông tham dự trực tiếp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp tại một địa điểm nhất định mà không phải hình thức trực tuyến quy định tại điểm t khoản này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **NINH THUAN WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **NIWACO**

2. Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Điện thoại: (0259) 3820350

- E-mail: www.capnuocninhthuan@niwaco.com.vn

- Website: <http://www.capnuocninhthuan.com>

Các địa điểm kinh doanh:

* Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận - Văn phòng Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Địa chỉ: Số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

* Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận - Nhà máy nước Tháp chàm

Địa chỉ: Quốc lộ 27 - phường Đô Vinh, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

* Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận - Nhà máy nước Phước Dân

Địa chỉ: Thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

* Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận - Nhà máy nước Tân Sơn

Địa chỉ: Thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

* Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận – Tổ Giao dịch Ninh Hải

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

* Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận – Tổ Giao dịch Cà Ná

Địa chỉ: Thôn Lạc Nghiệp, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

* Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận – Trạm Giao dịch Từ Thiện

Địa chỉ: Thôn Từ Thiện, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật như sau:

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Ủy quyền cho người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty, nhưng người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lý

về việc ủy quyền này. Đồng thời những người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước người đại diện theo pháp luật và trước Pháp luật về các công việc được ủy quyền. Người được ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền khi người đại diện theo pháp luật của Công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật doanh nghiệp mà chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, quy định nội bộ Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước <i>Chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất</i>	3600 (Chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết:</i> - Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật mạng lưới cấp nước - Khảo sát địa hình xây dựng công trình - Thiết kế công trình cấp, thoát nước - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp nước	7110
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí <i>Chi tiết: Thi công lắp đặt đường ống cấp nước</i>	4322
4	Xây dựng công trình công ích <i>Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước</i>	4220
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<i>Chi tiết: Kinh doanh vật tư phục vụ cho lắp đặt và sử dụng nước</i>	

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận đồng thời phát triển kinh tế xã hội; tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; đảm bảo sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, thường xuyên và ổn định.

3. Nếu bất kỳ lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu nào cần phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền/ ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì Công ty chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/ khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **94.908.414.916** đồng (Bằng chữ: Chín mươi bốn tỷ, chín trăm linh tám triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, chín trăm mười sáu đồng).

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.490.841 cổ phần (Bằng chữ: Chín triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, tám trăm bốn mươi một cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng một cổ phần).

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công

ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty. Người thừa kế có trách nhiệm thực hiện các thủ tục sang nhượng cổ phần theo quy định Công ty và quy định pháp luật.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

Trường hợp thực hiện biểu quyết theo hình thức này, cổ đông công nhận các kết quả đăng ký dự họp, kết quả bỏ phiếu đã thực hiện và có trách nhiệm tuân thủ các nghĩa vụ liên quan đến việc dự họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).

- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế bầu cử.

3. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua.

4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội trực tiếp hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông báo cho cổ đông tại thông báo triệu tập Đại hội.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và văn bản khác của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này và các quy chế nội bộ khác của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế nội bộ khác của Công ty.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Việc ủy quyền trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức theo hình thức trực tuyến và/hoặc có bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác sẽ thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;



d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết hoặc/và thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp trong trường hợp dự họp theo hình thức trực tiếp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

6. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 5 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ tọa cuộc họp có quyền:

a) Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh ra khỏi đại hội.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273

Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

9. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp cả hình thức trực tiếp và trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).

Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 22 Điều lệ này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 22 Điều lệ này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, ngoài các vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: nội dung Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không bao gồm điểm g khoản này; hình thức Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Trong trường hợp này, việc gửi Phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có);

d) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử/các hình thức điện tử khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng

tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và biên bản bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và có thể gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
5. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của các công ty khác);
- đ) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế bầu cử;
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích liên quan tới Công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử

một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 điều này.

6. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, nhận đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác và quyết định mức lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác của họ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

c) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý, người điều hành khác;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

đ) Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

e) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

g) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

h) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

i) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

k) Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu của Công ty;

l) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo tình hình quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

m) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

n) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

o) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

p) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

q) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

Để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc và người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị của Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức chi tiền lương, thù lao, thưởng cho từng thành

viên theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần có vốn chi phối của Nhà nước và các quy chế nội bộ của công ty. Tổng mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ Công ty quy định.

Đề nghị quy định tại khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy

ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp Hội đồng quản trị chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 11 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

c) Theo quy định tại điểm b khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết thì phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

14. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết, quyết định trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm bằng nghị quyết/quyết định trong đó ghi nhận rõ là Người điều hành doanh nghiệp.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương, thưởng, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng với Giám đốc trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Tiền lương của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

c) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

đ) Tuyển dụng lao động;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Hằng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
5. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định nội bộ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này và quy định sau đây:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; và từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, quy định nội bộ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông: Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.



2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế – nếu có).
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Đại hội đồng

cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác

và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng, giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn, hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội khác

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, ... trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức nói trên.

3. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

4. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam).

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận, cách quản lý và sử dụng các quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ của Công ty.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 53. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp

tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một bên thứ ba độc lập chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Mục 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế bản Điều lệ đã sửa đổi lần 6 tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, thông qua ngày 21/06/2019.

2. Điều lệ được lập thành 06 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



ĐÌNH AN

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 504/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), ngày 21/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 497/NQ-HĐQT ngày 06/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Ngày 31/12/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, trong đó công ty đại chúng phải tham chiếu Quy chế nội bộ về quản trị mẫu tại Phụ lục II Thông tư số 116/2020/TT-BTC để xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận là công ty đại chúng đã đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, để tuân thủ các quy định trên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua toàn văn Dự thảo sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

(Đính kèm Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)



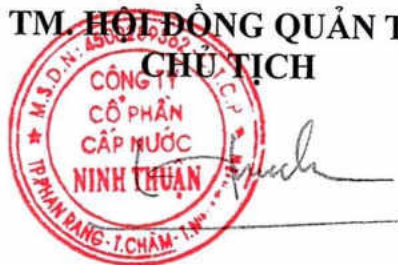
Bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên vào ngày 27/4/2022 sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế bản thông qua ngày 21/6/2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hữu Sơn